

Bản án số: 03/2018/DS-ST.
Ngày 27-3-2018.
V/v: “tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Khang và bà Lê Thị Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2017/TLST- DS ngày 21 tháng 11 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông ĐVQ, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp G, xã G, huyện T, tỉnh TN, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông TMT, Luật sư của Văn phòng luật sư TMT, thuộc Đoàn luật sư tỉnh TN, (có mặt).

- Bị đơn: Ông NVM, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp G, xã G, huyện T, tỉnh TN, (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà PTL, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp G, xã G, huyện T, tỉnh TN, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, ông Q trình bày:

Giữa ông với ông M có quan hệ là hàng xóm ở gần nhau. Vào đầu tháng 8/2016 ông M có đến nhà vay tiền của ông nhiều lần, không nhớ rõ số tiền cho vay mỗi lần là bao nhiêu. Khi vay, vợ ông M là bà L cũng có gọi điện thoại xác nhận với ông nên ông mới tin tưởng giao tiền, việc vay mượn không làm giấy tờ, không có ai làm chứng, không tính lãi suất. Bên vay hẹn 04 tháng sau sẽ trả đủ tiền gốc, đến kỳ hẹn ông nhiều lần yêu cầu ông M trả tiền thì ông M không thực hiện mà hứa hẹn kêu ông bắt bò trừ

nợ. Do nhiều lần không đòi được tiền cho vay nên ngày 22/7/2017 ông gặp trực tiếp ông M để hai bên xác nhận lại số tiền nợ còn thiếu. Ông M xác nhận nợ ông tổng cộng số tiền là 63.250.000 đồng, lúc này thì hai bên làm giấy mượn tiền, ông M ký tên xác nhận số nợ trên. Từ lúc làm giấy mượn tiền, ông Méo tiếp tục hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không trả.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông M và bà L phải trả số tiền 63.250.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi suất.

Theo lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn, ông M trình bày:

Vào cuối năm 2016, ông có vay tiền của ông Q nhiều lần, không nhớ rõ ngày tháng, cụ thể:

Lần 1: vay số tiền 20.000.000 đồng để ông cho vay lại lấy tiền lời.

Lần 2: ông có cầm xe gắn máy, nên vay ông Q 8.800.000 đồng để chuộc xe lại, số tiền vay này ông đã trả lãi cho ông Q. Hiện nay giấy chứng nhận đăng ký xe máy do ông Q giữ, chưa trả lại cho ông.

Lần 3: vay 4.000.000 đồng để ông cho vay lại lấy lời, có tính lãi suất theo ngày là 1.000.000 đồng trả lãi 5000 đồng/ngày, quy ra tháng là 5%/tháng.

Trong tất cả các lần khi vay không có thỏa thuận thời gian trả, không có làm giấy tờ gì, thực tế ông chỉ có vay của ông Q số tiền là 32.800.000 đồng, chứ không phải là 63.250.000 đồng. Từ thời điểm vay tiền đến nay ông chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho ông Q. Vào ngày 22/7/2017, ông Q kêu ông đến nhà và yêu cầu ông ký tên vào tờ giấy do ông Q viết sẵn. Do tin tưởng nhau nên ông không yêu cầu đọc lại, với lại ông cũng không biết chữ, nên ông chỉ ký tên và ghi họ tên vào tờ giấy này chứ hoàn toàn không biết nội dung là gì. Vợ ông là bà L, hiện sống chung nhà với ông có biết số tiền ông vay lần đầu là 20.000.000 đồng vì ông Q có gọi điện thoại báo cho vợ ông biết, còn những lần vay sau thì bà L không biết. Số tiền vay từ ông Q ông cho những người khác vay lại lấy tiền lời nhưng những người này không trả tiền cho ông mà đã bỏ trốn đi đâu không rõ nên ông không thu hồi tiền cho vay được.

Nay ông Q khởi kiện yêu cầu ông và bà L phải trả số tiền 63.250.000 đồng thì ông chỉ đồng ý trả cho ông Q số tiền 32.800.000 đồng, không đồng ý để bà L cùng trả tiền vay với ông vì chỉ mình ông đứng ra vay tiền không liên quan đến bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà L trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông M. Bà chỉ biết ông Q cho ông M vay số tiền 20.000.000 đồng vì ông Q có gọi điện thoại cho bà, còn những lần vay tiếp theo sau thì bà không biết. Ngày 22/7/2017, bà có nghe ông M nói là ông Q kêu lên nhà ký giấy mượn tiền nhưng nội dung như thế nào thì bà không biết.

Nay ông Q khởi kiện yêu cầu bà và ông M phải trả số tiền 63.250.000 đồng thì bà chỉ đồng ý cùng ông M trả cho ông Q số tiền 32.800.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, trình bày:

Thực tế giữa ông Q và ông M có xác lập việc vay mượn tiền, bà L là vợ ông M cũng biết việc này, tuy các lần vay không làm giấy tờ vay mượn vì các bên là chỗ quen biết. Do ông M không chịu trả tiền vay, nên ông Q mới chốt sổ với ông M vào ngày 22/7/2017 là ông M có mượn số tiền 63.250.000 đồng, ông M xác nhận có ký và viết họ tên vào giấy mượn tiền này; Đây là chứng cứ đảm bảo về hình thức của hợp đồng dân sự vay tài sản, ngoài ra các bên không còn chứng cứ nào khác. Hiện nay, ông M và bà L đang sinh hoạt kinh tế chung nên đề nghị xem xét buộc ông M và bà L phải có

trách nhiệm trả cho ông Q số tiền 63.250.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Các đương sự và Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q đối với ông M và bà L về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Buộc ông M và bà L phải có nghĩa vụ trả cho ông Q số tiền 63.250.000 đồng, ghi nhận ông Q không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản giữa ông với ông M và bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Hợp đồng vay tài sản giữa ông Q và ông M là có thật. Trong tất cả các vay tiền không thỏa thuận thời gian trả, không có làm giấy tờ gì. Ngày 22/7/2017 ông M có ký tên vào giấy mượn số tiền là 63.250.000 đồng của ông Q. Vợ ông M là bà L hiện sống chung nhà và sinh hoạt kinh tế chung với ông M cũng xác nhận có biết việc vay mượn tiền, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông Q, cần buộc ông M và bà L có trách nhiệm trả nợ là có căn cứ.

[2] Ông M và bà L cho rằng chỉ vay của ông Q số tiền 32.800.000 đồng, nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Mặt khác, ông M thừa nhận trong giấy mượn tiền ông M có ký tên và ghi rõ họ tên. Qua các lần làm việc trước đây, ông M xác nhận khi vay không làm giấy tờ, nhưng sau này ông có ký xác nhận mượn nợ với ông Q là có thật với số tiền 32.600.000 đồng. Tại phiên đối chất thì ông M cho rằng có vay tổng cộng của ông Q số tiền 32.800.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, nên không chấp nhận ý kiến của ông M và bà L.

Ông Q có trách nhiệm trả lại cho ông M 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy, biển số đăng ký 59L1-389.63 do Nguyễn Ngọc Châu đứng tên là phù hợp.

[3] Lời đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Q có cơ sở chấp nhận nên chấp nhận.

[4] Án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông M và bà L phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản của ông ĐVQ với ông NVM và bà PTL:

- Buộc ông M và bà L phải trả cho ông Q số tiền 63.250.000 (Sáu mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, ghi nhận ông Q không yêu cầu tính lãi suất.

- Ông Q có trách nhiệm trả lại cho ông M giấy chứng nhận đăng ký xe máy, biển số đăng ký: 59L1-389.63 do Nguyễn Ngọc Châu đứng tên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông M và bà L phải chịu 3.162.500 (Ba triệu một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Q không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho ông Q số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.581.500 (Một triệu năm trăm tám mươi nghìn năm trăm) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009429 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Q, ông M và bà L được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tấn Đạt